|  |
| --- |
| **BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VĂN Bãi bỏ toàn bộ, một phầnthuộc lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS** |
|  |  |  |  |
| **STT** | **Nội dung quy định tại VBQPPL cũ** | **Nội dung quy định tại VBQPPL mới** | **Ghi chú** |
| **A** | **Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/01/2010 của Bộ Y tế và Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn của người được cấp Thẻ, mẫu Thẻ, việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV** |
| 1 | Điều 1. Tiêu chuẩn của người được cấp Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | Nội dung này đã được quy định tại Điều 6 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) (sau đây gọi tắt là Nghị định số 141/2024/NĐ-CP) | Đề nghị bãi bỏ toàn bộ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/01/2010 của Bộ Y tế và Bộ Công an quy định việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV |
| 2 | Điều 2. Hình thức, chất liệu và màu sắc của Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng  | Nội dung này đã được quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 141/2024/NĐ-CP của Chính phủ |
| 3 | Điều 3. Nội dung Thẻ |
| 4 | Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp Thẻ  | Nội dung này đã được quy định tại Điều 7 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP của Chính phủ |
| 5 | Điều 5. Thẩm quyền, trình tự cấp Thẻ  | Nội dung này đã được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP của Chính phủ |
| 6 | Điều 6. Thời hạn sử dụng Thẻ | Nội dung này đã được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP của Chính phủ |
| 7 | Điều 7. Các trường hợp bị thu hồi Thẻ, thẩm quyền, trình tự thu hồi Thẻ | Nội dung này đã được quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP của Chính phủ |
| 8 | Điều 8. Quản lý Thẻ | Nội dung này đã được quy định tại Điều 8 và Điều 12 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP của Chính phủ |
| 9 | Điều 9. Sử dụng Thẻ |
| 10 | Điều 10. Trách nhiệm thi hành |
| **B** | **Thông tư số 04/2019/TT-BYT ngày 28/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính và đình chỉ hoạt động xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính** |
| 1 | Điều 1. Phân cấp cho Cục Trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS  | Đã được quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 42 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP và điểm a khoản 8 Điều 2 Quyết định số 2485/QĐ-BYT ngày 13/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phòng, chống HIV/AIDS thuộc Bộ Y tế. | Đề nghị bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 04/2019/TT-BYT ngày 28/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định việc phân cấp thẩm quyền cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính và đình chỉ hoạt động xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính |
| 2 | Điều 2. Phân cấp cho Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Đã được quy định tại Khoản 4 Điều 42 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP. |
| 3 | Điều 3. Hướng dẫn về đoàn thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính | Đã được quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 44: Quy trình thẩm định tại cơ sở xét nghiệm. |
| 4 | Điều 4. Hiệu lực thi hànhThông tư này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 05 năm 2019.Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp | Đã được quy định tại Điều 56 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP. |
| 5 | Điều 6. Trách nhiệm thi hành | Đã được quy định tại Điều 44, Điều 57 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP  |
| **C** | **Thông tư số 06/2012/TT-BYT ngày 20/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về điều kiện thành lập và nội dung hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS** |
| 1 | Điểm a, khoản 1, Điều 1: Phạm vi điều chỉnh | Đã được quy định tại Điều 38 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP | Đề nghị bãi bỏ một phần Thông tư số 06/2012/TT-BYT ngày 20/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về điều kiện thành lập và nội dung hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS |
| 2 | Điều 3. Điều kiện thành lập đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS | Đã được quy định tại Điều 38 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP |
| 3 | Điều 4. Thông báo hoạt động của tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS | Đã được quy định tại Điều 38 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP |
| **D** | **Thông tư số 01/2015/TT-BYT ngày 27/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế** |
| 1 | Điều 6 | Đã được quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 141/2024-NĐ-CP | Đề nghị bãi bỏ một phần Thông tư số 01/2015/TT-BYT ngày 27/2/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tư vấn phòng, chống HIV/AIDS tại cơ sở y tế |
| 2 | Khoản 1 Điều 7 | Đã được quy định tại khoản 4 Điều 38 Nghị định số 141/2024-NĐ-CP |
| **E** | **Thông tư số 28/2018/TT-BYT ngày 26/10/2028 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định quản lý điều trị người nhiễm HIV, người phơi nhiễm với HIV tại các cơ sở y tế** |
| 1 | Điều 4. Kế hoạch cung ứng thuốc kháng HIV | Đã được quy định tại:- Khoản 13 Điều 1 Luật Phòng, chống AIDS sửa đổi năm 2020.- Khoản 1, 2 Điều 51 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP | Đề nghị bãi bỏ một phần Thông tư số 28/2018/TT-BYT ngày 26/10/2028 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định quản lý điều trị người nhiễm HIV, người phơi nhiễm với HIV tại các cơ sở y tế |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |